

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA**

**PGS.TS NGUYỄN ÁNH TUYẾT
TS. NGUYỄN THỊ NHƯ' MAI**

GIÁO TRÌNH TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

TẬP 1

**LÍ LUẬN VỀ TÂM LÝ HỌC TRẺ EM VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM
LÝ CỦA TRẺ TỪ BÀO THAI ĐẾN 36 THÁNG TUỔI**

Huế - 2007

Lời nói đầu

TÂM LÝ HỌC TRẺ EM – TẬP MỘT là cuốn sách viết về sự phát triển tâm lý của trẻ em từ thai nhi đến 36 tháng tuổi nhằm giới thiệu với sinh viên khoa Giáo dục Mầm non của các trường Đại học sư phạm và Cao đẳng sư phạm về những vấn đề cơ bản, có hệ thống của tâm lý học trẻ em, có tính đến việc sinh viên đã làm quen với hệ thống các khái niệm của tâm lý học đại cương.

Cuốn sách này được biên soạn dựa trên sự đúc kết những thành tựu tâm lý học trẻ em trong và ngoài nước, bao gồm nhiều công trình nghiên cứu có giá trị của các nhà tâm lý học nổi tiếng trên thế giới.

Trong cuốn sách, những quy luật chung về sự phát triển của trẻ em cùng với những quy luật và đặc điểm của trẻ ở từng lứa tuổi (từ lọt lòng đến 15 tháng ; từ 15 tháng đến 36 tháng và khi còn là thai nhi) được trình bày theo quan điểm của tâm lý khoa học : coi trẻ em là một thực thể đang phát triển. Sự phát triển đó chính là quá trình đứa trẻ lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội trong nền văn hóa do loài người sáng tạo nên, bằng hoạt động của chính nó, quá trình đó thường xuyên được sự hướng dẫn của người lớn. Cuốn sách chú ý đến vai trò chủ đạo của giáo dục, đồng thời phân tích ý nghĩa có tính chất nguyên tắc về vai trò quyết định của hoạt động, đặc biệt là các dạng hoạt động chủ đạo trong từng giai đoạn phát triển.

Tư tưởng chính của các tác giả là trình bày bộ môn Tâm lý học trẻ em như một khoa học mà đối tượng là sự phát triển tâm lý chứ không phải chỉ là bản thân những đặc điểm tâm lý. Căn cứ vào tinh thần đó, khi trình bày mỗi giai đoạn lứa tuổi, mỗi mặt của sự phát triển tâm lý, các tác giả dành vị trí trung tâm cho những vấn đề có liên quan đến quá trình phát triển, các tiền đề xuất phát, các điều kiện cơ bản của sự phát triển, các cấu tạo tâm lý mới nảy sinh trong quá trình phát triển và các kết quả cuối cùng của từng giai đoạn phát triển. Những tài liệu mang tính chất mô tả liên quan đến đặc điểm lứa tuổi trẻ em chỉ được sử dụng ở chừng mực cần thiết để giúp cho người đọc hiểu rõ thêm quá trình phát triển.

Khác với tâm lý học trẻ em theo chức năng luận, ở cuốn sách này, các tác giả trình bày sự phát triển của trẻ không theo từng chức năng riêng lẻ mà theo từng giai đoạn phát triển. Trong mỗi giai đoạn bao gồm sự phát triển của nhiều chức năng tâm lý và các mối quan hệ qua lại giữa chúng dưới ảnh hưởng của hoạt động chủ đạo, nổi bật lên là những đặc điểm tâm lý đặc trưng cho mỗi lứa tuổi, giúp bạn đọc có thể hiểu được một cách toàn vẹn đứa trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển ; đồng thời thấy được cả quá trình phát triển từ thai nhi cho đến 36 tháng tuổi, để từ đó có thể rút ra những phương pháp, những con đường giáo dục phù hợp nhất cho mỗi giai đoạn phát triển cũng như toàn bộ tiến trình lớn lên thành người của mỗi trẻ em.

CÁC TÁC GIẢ

Chương I

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

I- ĐỐI TƯỢNG CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

Những đặc điểm và quy luật phát triển tâm lý trẻ em là đối tượng của tâm lý học trẻ em. Tâm lý học trẻ em nghiên cứu những sự kiện và quy luật phát triển hoạt động, phát triển các quá trình và phẩm chất tâm lý và sự hình thành nhân cách của trẻ trong sự phát triển của nó.

Là một ngành của khoa học tâm lý, tâm lý học trẻ em cũng tuân theo những nguyên tắc, những cơ sở lý luận của những luận thuyết tạo nên phương pháp luận của tâm lý học đại cương. Nhưng sự phát triển tâm lý của trẻ còn chịu sự tác động của những quy luật riêng và có những đặc điểm đặc trưng tạo nên nhiệm vụ đặc biệt của tâm lý học trẻ em. Những nghiên cứu của tâm lý học trẻ em hướng vào những đặc điểm và quy luật riêng biệt đó của sự phát triển trẻ em.

Tâm lý học lứa tuổi mầm non là một bộ phận của tâm lý học trẻ em. Nó nghiên cứu những quy luật, những đặc điểm lứa tuổi của các quá trình tâm lý, những khả năng lứa tuổi của việc lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội, những nhân tố chủ đạo của sự phát triển tâm lý v.v... của trẻ em lứa tuổi mầm non : từ lọt lòng đến sáu tuổi.

II- NHIỆM VỤ CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

Đối tượng của tâm lý học trẻ em quy định những nhiệm vụ cơ bản của nó. Làm sáng tỏ các quy luật và đặc điểm của sự phát triển, tìm hiểu những nguyên nhân quy định sự phát triển đó là nhiệm vụ quan trọng của tâm lý học trẻ em.

Xuất phát từ quan niệm và phương pháp biện chứng về tâm lý trẻ em nghiên cứu những đặc điểm của hoạt động phản ánh và sự phát triển của nó ở trẻ em trong những giai đoạn khác nhau của đời sống trẻ em ; nghiên cứu xem sự phát triển của mỗi quá trình tâm lý, những đặc điểm hoạt động tâm lý và sự hình thành nhân cách của trẻ diễn ra như thế nào qua các thời kì, giai đoạn phát triển nhất định và chịu tác động của những yếu tố nào.

Để giải quyết những vấn đề này đòi hỏi phải phân tích chu đáo tất cả những điều kiện, yếu tố, hoàn cảnh quy định sự phát triển của trẻ trong sự tác động tương hỗ giữa chúng, phân tích

những mâu thuẫn xảy ra một cách có quy luật trong quá trình đưa trẻ chuyển từ trình độ này sang trình độ khác và được giải quyết trong quá trình phát triển của trẻ như thế nào.

Con người trở thành Người không bằng cơ chế di truyền sinh học mà bằng cơ chế lĩnh hội văn hoá. Bằng hoạt động, bằng tác động của nền văn hoá xã hội, con người hình thành, phát triển, hoàn thiện chính mình. Cơ chế này thực hiện được với vai trò hết sức quan trọng của tính tích cực hoạt động của trẻ và chịu ảnh hưởng thường xuyên của hệ thống giáo dục và dạy học do người lớn tiến hành. Tuy vậy không thể bỏ qua vai trò của yếu tố tự nhiên đối với sự phát triển tâm lí của trẻ em. Tâm lí học trẻ em cũng nghiên cứu những đặc điểm của hoạt động thần kinh cấp cao của trẻ em ở các giai đoạn phát triển khác nhau nhằm tìm ra cơ sở khoa học tự nhiên của sự phát triển tâm lí, tìm hiểu xem những yếu tố di truyền có ảnh hưởng không và nếu có, ảnh hưởng ở mức độ nào đối với sự phát triển tâm lí trẻ em.

Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non còn có nhiệm vụ nghiên cứu những đặc điểm mang tính quy luật về sự chuyển đoạn trong tiến trình phát triển của trẻ từ lọt lòng đến 6 tuổi.

III- Ý NGHĨA CỦA TÂM LÍ HỌC TRẺ EM

Việc giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trên đây làm cho tâm lí học trẻ em có ý nghĩa lớn cả về mặt lí luận và thực tiễn.

V.I. Lênin đã chỉ ra rằng : lịch sử phát triển trí tuệ của trẻ em là một trong những lĩnh vực tri thức từ đó hình thành nên lí luận chung về nhận thức và phép biện chứng.

Có thể nói, những thành tựu của tâm lí học trẻ em là một bộ phận cấu thành của nhận thức luận và phép biện chứng trong triết học duy vật biện chứng. Qua sự phát triển của trẻ em có thể rút ra quy luật phát triển của sự vật nói chung và đồng thời sự phát triển của trẻ em bộc lộ rõ ràng những quy luật đó. Sự phát triển tâm lí của trẻ có nguồn gốc, động lực bên trong là việc nảy sinh và giải quyết các mâu thuẫn. Ở lứa tuổi mầm non, mâu thuẫn giữa mong muốn và khả năng, giữa cái đã biết và cái chưa biết, cái làm được và không làm được... trong quá trình trẻ tiếp xúc, tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh là những mâu thuẫn có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển tâm lí của trẻ. Sự phát triển tâm lí cũng là một dạng vận động và động lực của nó là các mâu thuẫn. Những bước nhảy vọt trong phát triển tâm lí là kết quả của sự tích lũy về kinh nghiệm, hiểu biết trên cơ sở hoạt động và giao tiếp. Những tri thức, kinh nghiệm đó, nếu không được tổ chức lại theo cách riêng, theo cơ cấu riêng, trẻ em sẽ không có những biến đổi về chất trong phát triển. Sự chuyển sang một chất lượng mới chỉ có được do sự kế thừa những trình độ phát triển đã có. Chẳng hạn trình độ phát triển nhân cách đạt được ở trẻ em mẫu giáo là kết quả kế thừa những trình độ phát triển của lứa tuổi trước, lứa tuổi ấu nhi.

Nghiên cứu kĩ càng, tỉ mỉ quá trình nhận thức thế giới xung quanh của trẻ em giúp chúng ta hiểu sâu sắc và rõ ràng hơn bản chất chung của nhận thức con người. Tìm hiểu những điều kiện và những quy luật của sự phát triển tâm lí trẻ em làm sáng tỏ luận thuyết về sự hình thành và phát triển tâm lí theo quan điểm biện chứng, đồng thời cũng vạch ra được vai trò của những mối quan hệ muôn màu muôn vẻ của con người đối với thế giới xung quanh và với chính

mình. Những yếu tố, điều kiện bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển toàn bộ nhân cách trẻ em cũng như từng chức năng của nó cũng được làm rõ bằng cách nghiên cứu sự phát sinh những quá trình tâm lí.

Sự hiểu biết những đặc điểm và quy luật của sự phát triển tâm lí trẻ em giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định, và hơn nữa cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc theo dõi, giáo dục các em. Những phương pháp giáo dục trên cơ sở những thành tựu của tâm lí học trẻ em không những nhằm đảm bảo cho sự phát triển tâm lí, nhân cách của trẻ đạt hiệu quả cao mà còn nhằm phát hiện những tiềm năng về trí tuệ cũng như những chức năng tâm lí cao cấp khác ở mỗi lứa tuổi. Với tâm lí học trẻ em, nhà giáo dục có thể biến những dự kiến về tương lai của trẻ em thành hiện thực, tạo những điều kiện cần thiết cho sự phát triển về mọi mặt của các em.

Hiểu tâm lí học trẻ em còn làm cho bản thân nhà giáo dục trở nên hoàn thiện hơn. Người có kiến thức tâm lí học sẽ là người biết quan sát tinh tế, hiểu trẻ, có cơ sở để khắc phục những thiếu sót và phát triển những khả năng của bản thân để hình thành và phát triển những phẩm chất năng lực tốt đẹp cho trẻ.

Trong công tác giáo dục mầm non, từ việc tổ chức đời sống cho trẻ đến việc giáo dục trẻ trong các hình thức hoạt động ở mọi nơi mọi lúc đều phải dựa vào những đặc điểm phát triển của trẻ trong suốt thời kì tuổi mầm non. Tâm lí học giúp các nhà giáo dục nắm vững những đặc điểm phát triển, từ đó xây dựng một nhãn quan khoa học để thực hiện tốt công tác giáo dục mầm non. Bởi vậy tâm lí học được coi là bộ môn khoa học cơ bản giữ vị trí trung tâm trong các khoa học giáo dục mầm non.

Các bộ môn hợp thành hệ thống các khoa học giáo dục mầm non đều được xây dựng trên cơ sở những tri thức về sự phát triển của trẻ do tâm lí học trẻ em cung cấp. Thiếu sự hiểu biết đó, hệ thống các khoa học giáo dục mầm non sẽ mất hết tính chất khoa học. Vì vậy, tâm lí học trẻ em được coi là bộ môn khoa học cơ sở của các khoa học giáo dục mầm non.

Đối với các giáo viên mầm non, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vững khoa học tâm lí nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng. Do đó, tâm lí học phải được coi là bộ môn nghiệp vụ. Tóm lại, trong hệ thống các khoa học giáo dục mầm non, tâm lí học trẻ em vừa là khoa học cơ bản, vừa là khoa học cơ sở lại vừa là khoa học nghiệp vụ.

IV- MỐI QUAN HỆ GIỮA TÂM LÍ HỌC TRẺ EM VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC

Tâm lí học đại cương - khoa học về các đặc điểm và quy luật về tâm lí chung của con người có mối quan hệ rất mật thiết với tâm lí học trẻ em. Những thành tựu nghiên cứu của tâm lí học đại cương về các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lí, các thành phần của nhân cách làm cơ sở cho các nghiên cứu về từng mặt này trong tâm lí học trẻ em. Mặt khác, tâm lí học đại cương không thể chỉ nghiên cứu con người trưởng thành mà không biết những quá trình và thuộc tính tâm lí người lớn đã nảy sinh và phát triển như thế nào. Nhiều quy luật tâm lí ở người

lớn sẽ không thể hiểu được nếu không nghiên cứu nguồn gốc phát sinh của chúng. Có thể nói tâm lí học trẻ em là một phương pháp đặc biệt để nghiên cứu tâm lí - phương pháp phát sinh, mà nhờ nó các quy luật của tâm lí học đại cương được xác lập.

Những thành tựu về giải phẫu và sinh lí lứa tuổi luôn được tâm lí học trẻ em sử dụng. Tâm lí học mácxít đã chỉ ra rằng : Tâm lí là chức năng của não. Hoạt động bình thường của hệ thần kinh là điều kiện hết sức quan trọng của sự phát triển tâm lí. Nếu không có sự hoàn thiện về hoạt động của não và hệ thần kinh thì không thể có sự phát triển bình thường về tâm lí. Nhà tâm lí cần phải biết quá trình phát triển và hoàn thiện đó đã diễn ra như thế nào.

Rõ ràng tâm lí học trẻ em và giáo dục học có quan hệ tương hỗ mật thiết với nhau. K.Đ. Usinxki viết : "Nếu muốn giáo dục con người về mọi mặt thì trước hết giáo dục học phải hiểu biết con người về mọi mặt" (trích theo 27). Giáo dục học có nhiệm vụ cơ bản là bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ, chuẩn bị cho trẻ bước vào cuộc sống. Để làm được nhiệm vụ này giáo dục học phải biết những quy luật chung của sự phát triển, biết ảnh hưởng của những điều kiện, phương tiện và phương pháp giáo dục đối với sự phát triển. Nếu không có những hiểu biết này, những ảnh hưởng của giáo dục sẽ kém hiệu quả và phải mất nhiều thời gian mò mẫm mới tìm ra con đường tốt. Nhưng nếu nhà giáo dục cần những tri thức tâm lí học thì nhà tâm lí học không thể giải quyết nhiệm vụ của mình mà không có giáo dục học. Sự phát triển ý thức và toàn bộ nhân cách của con người đang trưởng thành không diễn ra một cách ngẫu nhiên. Những nguyên nhân của nó nằm trong nội dung và sự tổ chức cuộc sống cho trẻ, là phạm trù của giáo dục học.

V- PHƯƠNG PHÁP CỦA TÂM LÍ HỌC TRẺ EM

1. Các nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

Phương pháp rất quan trọng đối với một công trình nghiên cứu. Công trình nghiên cứu chỉ đạt kết quả khi tìm ra cách thích hợp trong điều kiện cụ thể để đi đến đối tượng nghiên cứu, cái dẫn tới một tư tưởng khoa học nào đó. Phương pháp là sản phẩm của khoa học, đồng thời là công cụ của khoa học.

Trong nghiên cứu trẻ em, việc sử dụng các phương pháp cần chú ý những nguyên tắc sau :

a) Phải coi hoạt động là nguồn gốc của toàn bộ nền văn hóa loài người, của thể giới tinh thần của con người. Hoạt động là nơi tinh thần, tâm lí thực hiện chức năng của chúng đối với cuộc sống thực của con người. Hoạt động cũng chính là động lực phát triển tâm lí, không thể nghiên cứu tâm lí trẻ em ngoài hoạt động của chính bản thân trẻ.

b) Phải tính đến tính chất tổng thể, hoàn chỉnh, trọn vẹn của đối tượng nghiên cứu. Khi nghiên cứu một hiện tượng tâm lí nào đó không được tách nó ra khỏi toàn bộ đời sống tâm lí của con người, cũng như khi nghiên cứu một đặc điểm nào đó của một loại hiện tượng tâm lí cũng không được tách nó ra khỏi các đặc điểm khác. Hơn nữa phải đặt đối tượng nghiên cứu vào trong mối quan hệ với các loại hiện tượng khác. V.I. Lênin viết : "Toàn bộ tất cả các mặt của hiện tượng, hiện thực và các quan hệ của các mặt ấy - đó là cái hợp thành chân lí" (11).

c) Muốn thấy được tính chất tổng thể hoàn chỉnh, trọn vẹn của đối tượng nghiên cứu phải xếp hiện tượng nghiên cứu vào hệ thống đó. Cuộc sống con người có nhiều hoạt động, mỗi hoạt động tương ứng với một hoặc vài động cơ, vì vậy con người có nhiều động cơ. Do đó cần phải tìm ra hệ thống động cơ và xét động cơ nào trong một thời điểm nhất định là động cơ chính. Tương tự như vậy, phải tìm ra hệ thống mục đích và xem cái nào là chính. Lấy việc vâng lời ở trẻ nhỏ làm ví dụ, ta thấy có thể có một hệ thống động cơ : từ chỗ vâng lời để được ăn kẹo, để khỏi bị mắng đến vâng lời vì muốn làm vui lòng bố mẹ.

Theo quan điểm hệ thống, bất cứ một hiện tượng nào đều được nghiên cứu theo các thứ bậc khác nhau. Nghiên cứu tâm lí là phân tích tâm lí ở các bậc. Có thể là các bậc : cử động, thao tác, hành động và hoạt động theo quan điểm hoạt động ; hoặc các bậc : cá thể, nhân cách theo quan điểm nhân cách về tâm lí của con người. Các nghiên cứu nên xem xét toàn bộ hiện tượng tâm lí ở mức độ hoạt động nhân cách, tức là đặt hiện tượng được nghiên cứu vào trong các mối quan hệ giữa các thành tố tạo thành hoạt động, các mối quan hệ ấy vừa là sản phẩm của hoạt động của từng con người.

d) Cần nghiên cứu, xem xét các hiện tượng tâm lí trong sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của nó. Các hiện tượng tâm lí không bất biến. Nghiên cứu một hiện tượng tâm lí phải thấy được quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, đồng thời cũng phải thấy tính ổn định của nó trong một thời điểm nhất định, trong những điều kiện nhất định.

2. Các phương pháp nghiên cứu

Bất kì khoa học nào cũng dựa trên các sự kiện được thu thập và nghiên cứu. Những hiện tượng thực của thế giới khách quan được các nhà nghiên cứu thu lượm một cách chu đáo và nghiên cứu xem xét một cách kĩ lưỡng, sâu sắc để tìm ra những quy luật, những nguyên nhân của chúng làm cơ sở của một khoa học. Tùy từng khoa học mà nội dung của các sự kiện này khác nhau. Những phương thức dùng để thu lượm, giải thích sự kiện gọi là phương pháp của khoa học đó. Phương pháp này phụ thuộc vào đối tượng nghiên cứu của nó. Những phương pháp của tâm lí học trẻ em là những phương thức vạch rõ những sự kiện đặc trưng cho sự phát triển của trẻ.

Sự kiện tâm lí có những đặc điểm cơ bản riêng biệt. Tâm lí con người là hiện tượng tinh thần, nó được thể hiện trong các quá trình tâm lí và trạng thái tâm lí. Chỉ có thể nghiên cứu tâm lí con người thông qua các sự kiện tâm lí. Các sự kiện tâm lí tạo nên cái bên trong của những biểu hiện bên ngoài của con người.

Do sự kiện tâm lí cực kì phong phú về nội dung, hình thức, phức tạp về cấu trúc nên việc thu thập các sự kiện phải được xuất phát từ nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu. Hành vi của trẻ bộc lộ nhiều mặt đời sống tâm lí của các em. Nếu nhà nghiên cứu muốn nghiên cứu sự phát triển hoạt động của trẻ thì phải quan tâm đến các hành vi có liên quan đến mặt này. Những hành vi ấy cũng là nguồn tài liệu phong phú để nghiên cứu đặc điểm một thuộc tính tâm lí nhất định của trẻ. Như vậy, sau khi đã xác định mục đích nghiên cứu của mình, nhà nghiên cứu phải xác định những sự kiện nào cần phải thu thập.

Nhà nghiên cứu càng hiểu trẻ em được nghiên cứu thì những sự kiện thu thập được càng đáng tin cậy. Ở trẻ em, cùng một trạng thái tâm lí có thể được biểu hiện khác nhau trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Nhà nghiên cứu càng có nhiều sự kiện bao nhiêu thì những kết luận của họ về bản chất tâm lí của các hiện tượng tâm lí càng đáng tin cậy bấy nhiêu. Trong khi so sánh, đối chiếu, thiết lập mối quan hệ giữa các sự kiện, nhà nghiên cứu có khả năng tìm ra những quy luật tâm lí riêng của từng trẻ và nhiều trẻ ở nhiều lứa tuổi khác nhau.

Những sự kiện về đời sống tâm lí của trẻ em như trên đã nói rất phong phú, nó được thể hiện thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày của trẻ. Nhưng cũng chính vì vậy, trong ấn tượng hằng ngày nó dễ bị lẫn lộn giữa cái thứ yếu và cái chủ yếu, lẫn lộn giữa phỏng đoán, ước đoán với những sự kiện thực. Trong khi đó khoa học cần đến những sự kiện khách quan và đáng tin cậy, có nghĩa là những sự kiện phản ánh thực sự trạng thái tâm lí bên trong của trẻ. Những sự kiện này chỉ có được khi nhà nghiên cứu nắm được những phương pháp chuyên biệt của việc nghiên cứu trẻ em.

Những phương pháp cơ bản của tâm lí học trẻ em là quan sát và thực nghiệm, ngoài ra còn một vài phương pháp khác.

a) Quan sát

Quan sát là phương pháp nhà nghiên cứu dùng để theo dõi và ghi chép một cách có mục đích và có kế hoạch những biểu hiện đa dạng của hoạt động tâm lí của trẻ cùng những điều kiện, diễn biến của nó trong đời sống tự nhiên hằng ngày.

Việc xác định mục đích quan sát là rất quan trọng. Kết quả của quan sát tùy thuộc vào mục đích của quan sát được đề ra rõ ràng đến mức nào. Nếu mục đích quan sát không rõ ràng, người quan sát không đề ra những nhiệm vụ quan sát cụ thể mà mình phải tiến hành thì kết quả quan sát sẽ mơ hồ, không xác định.

Ưu điểm của phương pháp quan sát là nhà nghiên cứu thu thập những sự kiện về hành vi tự nhiên, những sự kiện diễn ra trong cuộc sống bình thường hằng ngày của trẻ. Chính vì vậy, quan sát phải làm thế nào để trẻ không biết là mình đang bị quan sát, nó sẽ mất tự nhiên, không thoải mái, toàn bộ hành vi sẽ thay đổi. Phải làm thế nào để trẻ hành động một cách tự do, tự nhiên, có như thế người nghiên cứu mới thu được những tài liệu đúng sự thực.

Để đảm bảo tính trung thực, khách quan trong những sự kiện quan sát, thông thường việc quan sát được tiến hành bởi người quen thuộc với trẻ. Sự có mặt của người này là hoàn toàn bình thường và trẻ có thể hành động tự do, tự nhiên. Đôi khi trong tâm lí học người ta áp dụng phương pháp quan sát kín hoặc người ta đặt giữa phòng của trẻ và phòng của người quan sát một tấm kính đặc biệt chỉ nhìn được một phía. Bên phía trẻ, kính trông như tấm gương soi, bên phía nhà nghiên cứu như ô cửa sổ hoặc người ta có thể dùng những thiết bị vô tuyến truyền hình để quan sát kín.

Quan sát đứa trẻ trong hoạt động tự nhiên của chúng, nhà nghiên cứu nhìn nhận đứa trẻ như một chính thể thống nhất trong mối quan hệ giữa các hành động của nó, phát hiện ra mối quan hệ giữa nó với các thành viên khác trong tập thể và với nhà giáo dục.

Do đặc điểm của quan sát, trong quá trình quan sát nhà nghiên cứu chỉ có thể theo dõi được những biểu hiện bên ngoài của tâm lí trẻ trên những hành động, cử chỉ, điệu bộ, lời nói v.v... mà những cái này chỉ là những tư liệu có tính bề ngoài để nhà nghiên cứu tìm đến cái bên trong là những quá trình, trạng thái, phẩm chất tâm lí. Có những hành vi khác nhau thể hiện một tâm trạng giống nhau và ngược lại những hành vi giống nhau lại thể hiện tâm trạng khác nhau. Vì vậy, cái khó lớn nhất trong việc quan sát là không những phải nhận xét chính xác mà còn phải lí giải đúng đắn những điều quan sát được. Điều này đòi hỏi phải có kĩ năng quan sát, có nghĩa là người quan sát phải biết chọn lọc trong hệ thống phức tạp các hành vi của trẻ cái tương ứng với vấn đề đặt ra nghiên cứu ; phải biết ghi lại một cách nhanh chóng, rõ ràng, chính xác, khách quan và đầy đủ những sự kiện đó. Tuy nhiên chỉ ghi lại đầy đủ, chính xác các sự kiện cần thiết là cần nhưng chưa đủ, người nghiên cứu còn phải biết lí giải đúng đắn những điều mình thấy.

Chỉ quan sát, theo dõi hành vi của trẻ, nhà nghiên cứu không thể tác động, can thiệp vào đối tượng mình nghiên cứu. Vì vậy, người nghiên cứu chỉ thụ động chờ đợi những hiện tượng tâm lí diễn ra.

Dùng phương pháp quan sát cho một mục đích nghiên cứu nào đó thường phải diễn ra trong một thời gian khá dài và khá công phu. Tùy theo việc quan sát là toàn diện hay bộ phận mà mức độ này khác nhau. Quan sát toàn diện là theo dõi cùng một lúc nhiều mặt của hành vi đứa trẻ. Dù là quan sát toàn diện, nó cũng vẫn mang tính chọn lọc nhiều hoặc ít vì người quan sát chỉ ghi lại những gì mình thấy có ý nghĩa, những cái phản ánh được phẩm chất, khả năng của trẻ. Quan sát diễn ra trong suốt thời gian dài và kết quả quan sát thường được ghi lại dưới hình thức nhật kí. Những nhật kí loại này rất quan trọng và được nhiều nhà tâm lí học lớn sử dụng để phát hiện những quy luật tâm lí của trẻ. J. Piaget từ những quan sát tỉ mỉ trên 3 người con của mình đã phát hiện ra 6 giai đoạn trong sự hình thành trí tuệ ở trẻ em từ 0 đến 15 tuổi. V. Stern dựa vào những quan sát phong phú của vợ chồng ông về 3 đứa con từ lúc sơ sinh đến 5 - 6 tuổi đã xác định những mức độ phát triển theo lứa tuổi về tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ, tình cảm và ý chí.

Quan sát bộ phận được tiến hành khi người ta chỉ theo dõi một mặt nào đó của hành vi một đứa trẻ (ngôn ngữ, tình cảm...) hoặc hành vi đứa trẻ trong một thời gian nhất định.

Quan sát là phương pháp không thể thay thế được trong nghiên cứu trẻ em. Ngày nay một số dụng cụ, máy móc (như máy chụp ảnh, quay phim, ghi âm v.v...) thường được sử dụng trong phương pháp quan sát.

b) Thực nghiệm

Là một phương pháp giữ vai trò rất quan trọng trong nghiên cứu tâm lí, càng ngày thực nghiệm càng chiếm một vị trí đáng kể trong hệ thống các phương pháp nghiên cứu trẻ em. Tích

cực hơn quan sát, thực nghiệm là phương pháp mà người nghiên cứu chủ động làm nảy sinh các hiện tượng tâm lí mà mình cần nghiên cứu sau khi đã tạo ra những điều kiện nhất định. Như vậy, người nghiên cứu không phải chờ đợi các hiện tượng tâm lí bộc lộ mà có thể tự xây dựng những điều kiện gây ra hiện tượng tâm lí cần nghiên cứu, tạo ra những tình huống trong đó trẻ phải giải quyết các "bài toán" nhất định. Dựa trên cách thức và kết quả giải các tình huống, bài toán ấy mà người nghiên cứu biết về đặc điểm tâm lí của trẻ được thực nghiệm.

Ví dụ như, J. Piaget, nhà tâm lí học người Thụy Sĩ, muốn tìm hiểu đặc điểm tư duy của trẻ tuổi mẫu giáo, ông đã làm nhiều thực nghiệm, trong đó có những thực nghiệm sau :

1. Lấy 6 đồng xu tròn xếp dàn hàng ngang, lấy 6 đồng xu tròn khác xếp thành hàng thứ 2 kéo dài hơn. Hỏi trẻ hàng nào nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau.

2. Lấy một cốc nước rót vào một cái lọ hẹp, nước lên đến một độ cao nhất định. Cũng cốc nước ấy nhưng khi rót vào lọ thứ hai rộng hơn, mực nước sẽ thấp hơn ở lọ thứ nhất. Hỏi trẻ bên nào nước nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau.

Sau khi tiến hành thực nghiệm trên ở trẻ, ông thấy hầu như tất cả trẻ em 4-5 tuổi đều trả lời: hàng thứ hai nhiều hơn, lọ thứ nhất nhiều nước hơn. Từ những kết quả của nhiều thực nghiệm như kiểu trên, ông rút ra nhận xét : Tư duy của trẻ lứa tuổi này mang tính chất trực giác, chủ quan.

Trong phương pháp thực nghiệm, người nghiên cứu có thể lặp lại nhiều lần thực nghiệm của mình, kiểm tra kết quả thu được. Đặc biệt, có thể thay đổi một số điều kiện từ đó xác định được vai trò của nó đối với hiện tượng cần nghiên cứu.

Trong phương pháp thực nghiệm, thường những hiện tượng được nghiên cứu, được đánh giá qua những chỉ số và như vậy việc xử lí cũng đơn giản hơn, kết quả có sức thuyết phục và đáng tin cậy hơn so với phương pháp quan sát.

Có hai loại thực nghiệm : thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm là nơi có những máy móc, thiết bị đặc biệt, chuyên dùng. Đó có thể là những máy ghi nhận những thay đổi trong hoạt động của hệ tuần hoàn, hệ cơ, hoạt động của các cơ quan. Cũng có thể là những máy đo chính xác thời gian, cường độ, tốc độ và hướng vận tốc của người được nghiên cứu, những quá trình hưng phấn và ức chế trên vỏ não dưới ảnh hưởng của một tác động nhất định của trẻ. Khi tiến hành những thực nghiệm này, đứa trẻ được nghiên cứu ở trong những hoàn cảnh, điều kiện không quen thuộc, không bình thường, chính vì vậy hoạt động, hành vi của trẻ trở nên bối rối, lúng túng, thậm chí trẻ từ chối không chịu thực hiện các bài tập hoặc trả lời lung tung. Để khắc phục tình trạng này, người nghiên cứu nên tiến hành thực nghiệm với trẻ dưới hình thức trò chơi lí thú hay những dạng hoạt động hấp dẫn như vẽ, nặn...

Thực nghiệm tự nhiên ngày càng chiếm vị trí chủ đạo trong việc nghiên cứu tâm lí trẻ em. Thực nghiệm tự nhiên được tiến hành trong những điều kiện bình thường của quá trình dạy học - giáo dục. Người nghiên cứu đóng vai trò người nuôi dạy trẻ, trực tiếp đứng ra tổ chức một hoạt động nào đó cho các em. Các em hăng say chơi một đồ chơi hoặc làm những bài tập

người ta ra cho mình với mục đích riêng mà không biết rằng mình đang được nghiên cứu. Chính vì vậy, trẻ bộc lộ chân thực những đặc điểm tâm lí của mình. Cũng có thể người nghiên cứu không trực tiếp tổ chức hoạt động cho trẻ mà nhờ cô nuôi dạy trẻ, còn mình chỉ theo dõi và ghi kết quả. Nhưng với điều kiện người nghiên cứu đã có một quá trình tiếp xúc làm quen với trẻ, sao cho sự có mặt của mình là bình thường trong quá trình trẻ hoạt động.

Việc tổ chức làm sao cho các hoạt động lí thú, hấp dẫn cũng rất cần thiết đối với thực nghiệm tự nhiên.

Hình thức đặc biệt của thực nghiệm tự nhiên được sử dụng rộng rãi là thực nghiệm hình thành. Điểm đặc trưng của thực nghiệm này là : để nghiên cứu, tìm hiểu sự phát triển của quá trình và phẩm chất tâm lí nào đó, người ta dạy trẻ nhằm hình thành hay hoàn thiện các quá trình và phẩm chất tâm lí đó. Những biến đổi trong hoạt động tâm lí của các đối tượng thực nghiệm được nghiên cứu nhờ kết quả tác động tích cực của nhà nghiên cứu. Nhiều khả năng tâm lí của trẻ, nhiều giả thuyết về sự phát triển tâm lí của các em được phát hiện và chứng minh nhờ phương pháp này.

Để xác định rõ trẻ em đã đạt được những tiến bộ gì qua quá trình thực nghiệm hình thành, người ta tiến hành như sau : Trước khi thực nghiệm hình thành, người nghiên cứu cho trẻ làm một thực nghiệm khác có tính đo nghiệm để xem đối tượng nghiên cứu đang ở trình độ phát triển nào. Tiếp theo là thực nghiệm hình thành nhằm tạo ra ở trẻ một trình độ phát triển mới như giả thuyết nêu ra. Cuối cùng lại cho trẻ làm thực nghiệm giống như ban đầu. Quá trình thực nghiệm tác động đem lại kết quả tốt nếu như kết quả thu được của lần đo nghiệm cuối cao hơn đo nghiệm đầu và ngược lại. Nếu kết quả như nhau có nghĩa là những tác động hình thành của người nghiên cứu không có hiệu quả. Lần đo nghiệm đầu tiên được gọi là thực nghiệm kiểm tra.

c) Trắc nghiệm (test)

Cùng với quan sát và thực nghiệm, trắc nghiệm (test) là phương pháp không kém phần quan trọng trong hệ thống các phương pháp nghiên cứu tâm lí trẻ em.

Xung quanh khái niệm trắc nghiệm có nhiều định nghĩa: A.A. Liblinxkaia cho rằng, trắc nghiệm là một hình thức thực nghiệm đặc biệt, đó là những bài tập ngắn gọn đã được tiêu chuẩn hóa để xác định mức độ phát triển của những quá trình tâm lí khác nhau ở trẻ em. S.L. Rubinstêin định nghĩa, trắc nghiệm là sự thử nghiệm nhằm mục đích phân bậc, xác định vị trí xếp hạng của nhân cách trong nhóm hay tập thể, xác lập trình độ của vị trí ấy. X.G. Ghenlectêin quan niệm, trắc nghiệm là một thực nghiệm thử nghiệm, mang tính chất của một bài tập nhất định, bài tập này kích thích một hình thức nhất định của tính tích cực và việc thực hiện nó là một triệu chứng của sự hoàn thiện các chức năng nhất định, được đánh giá về mặt định lượng và định tính.

Hiểu một cách đơn giản thì trắc nghiệm là phép thử tâm lí gồm những bài toán, những câu hỏi được chuẩn hóa dưới hình thức lời nói, hình ảnh, việc làm. Thông qua việc trả lời những bài toán, câu hỏi đó, nhà nghiên cứu xét đoán trình độ phát triển trí tuệ, nhân cách của trẻ em.

Phương pháp trắc nghiệm là một trong những biến dạng của thực nghiệm. Thực nghiệm trong trường hợp này mang tính chất thử nghiệm và tính chất đo lường. Trắc nghiệm có những dấu hiệu cơ bản là : tính tiêu chuẩn hóa của việc trình bày và xử lí các kết quả, tính không phụ thuộc của kết quả vào ảnh hưởng của tình huống thực nghiệm và nhân cách nhà tâm lí học, tính đối chiếu của các tài liệu cụ thể, riêng với các tài liệu chuẩn mực - những tài liệu đã thu được cùng trong những điều kiện như thế ở một nhóm tiêu biểu.

Với tư cách là một phương pháp nghiên cứu của tâm lí học, trắc nghiệm được phân biệt với các phương pháp tâm lí học khác ở những điểm sau : thủ tục và những trang bị của trắc nghiệm tương đối đơn giản. Có những trắc nghiệm chỉ cần một cây bút và một tờ giấy, có những trắc nghiệm cần nhiều đồ dùng hơn, nhưng những đồ dùng này cũng rất dễ tạo và sử dụng. Nếu như ở phương pháp thực nghiệm và quan sát, để thu được kết quả, người nghiên cứu cần khá nhiều thời gian thì ở phương pháp trắc nghiệm chỉ cần thời gian ngắn và người nghiên cứu có thể ghi lại trực tiếp các kết quả. Vì trắc nghiệm là hệ thống bài tập được lựa chọn và quy định nghiêm ngặt, mỗi bài làm đều được cho điểm nên tiện lợi cho việc xử lí toán học.

Phần lớn trắc nghiệm vừa là tóm tắt của một cấu trúc lí thuyết vừa là hệ thống hóa của thực nghiệm về cấu trúc lí thuyết đã sản sinh ra trắc nghiệm đó, nó có những tiêu chuẩn được xác lập. Trắc nghiệm có thể sử dụng cho cả cá nhân lẫn nhóm.

Bắt đầu từ tư tưởng của F. Galton vào cuối thế kỉ XIX, việc sử dụng trắc nghiệm được phát triển rộng rãi trên thế giới từ sau những trắc nghiệm nghiên cứu năng lực trí tuệ của A. Binet – nhà tâm lí học người Pháp. Cộng tác với bác sĩ T. Simon, sau nhiều năm thực nghiệm về sự phát triển trí tuệ của trẻ em từ 3 đến 15 tuổi, ông đã xây dựng một thang đo lường trí tuệ mang tên Binet - Simon, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1905, được chỉnh lí và bổ sung ở hai lần xuất bản sau vào năm 1908 và 1911. Kể từ đó đến nay đã có rất nhiều trắc nghiệm khác ra đời. Các trắc nghiệm này không chỉ hạn chế trong lĩnh vực đo lường trí tuệ mà còn mở rộng ra những lĩnh vực khác của tâm lí con người. Ngày nay có những trắc nghiệm trí tuệ, trắc nghiệm hứng thú, trắc nghiệm tri thức và kĩ năng, trắc nghiệm năng lực chuyên môn, trắc nghiệm nhân cách, trắc nghiệm nghiên cứu các chức năng tâm lí riêng biệt... Nhưng dù là nghiên cứu cái gì, bất kì một trắc nghiệm nào cũng phải thỏa mãn những điều kiện sau đây : khi dùng các hình thức khác nhau của cùng một trắc nghiệm hoặc tiến hành một trắc nghiệm nhiều lần trên cùng một đối tượng thì kết quả thu được phải giống nhau ; Trắc nghiệm phải đo được chính cái mà ta định đo ; Trắc nghiệm phải được thực hiện theo một thủ tục tiêu chuẩn và phải có những quy chuẩn căn cứ theo một nhóm chuẩn ; Nhóm chuẩn này phải đồng đều và mang tính chất giống với những người sau này được trắc nghiệm. Các quy chuẩn của nhóm chuẩn là một hệ thống chuẩn cứ để kiến giải các kết quả trắc nghiệm của bất cứ cá nhân hoặc nhóm nào. Ngoài ra, để kiến giải tinh tế được bất cứ trắc nghiệm nào, cần phải biết trắc nghiệm muốn đo những yếu tố gì.

Trong những loại trắc nghiệm đã kể trên, trắc nghiệm trí tuệ được sử dụng rộng rãi hơn cả. Việc xác định trình độ phát triển trí tuệ của trẻ em có một tầm quan trọng to lớn, nó không chỉ

làm cho nhà giáo dục hiểu đúng, chính xác về năng lực trí tuệ của trẻ, trên cơ sở đó có những biện pháp giáo dục thích hợp có lợi cho sự phát triển của trẻ mà còn tạo khả năng nghiên cứu ảnh hưởng của những điều kiện khác nhau đến sự phát triển đó.

Do tính chất dễ sử dụng của nó, phương pháp trắc nghiệm được sử dụng rộng rãi không chỉ trong các công trình nghiên cứu khoa học mà còn cả trong lĩnh vực thực hành, đặc biệt là ở các nước Tây Âu. Tuy nhiên, việc sử dụng nó đã gây không ít những tranh cãi trong một thời gian khá dài. Có thể thấy hai điểm cực đoan : tuyệt đối hóa vai trò của trắc nghiệm và phủ nhận nó hoàn toàn. Những người thuộc trường phái thứ nhất coi trắc nghiệm như một công cụ vạn năng để đo lường tâm lí con người mà những kết quả do nó mang lại là tuyệt đối. Sự phủ nhận phương pháp trắc nghiệm bắt nguồn từ việc chỉ nhận thấy những mặt yếu của nó, mà điểm yếu thường bị phê phán nhất là : kết quả trắc nghiệm không nói lên được nguyên nhân của kết quả đó. Như vậy, nếu chỉ thuần túy dựa vào kết quả được tính bằng điểm số mà không tìm hiểu xem đứa trẻ đã đi đến kết quả đó bằng cách nào là chưa đủ. Do đó nhà nghiên cứu cần phải phân tích xem : thứ nhất, đứa trẻ đó đã giải quyết bài toán đề ra như thế nào, bằng cách nào để đi đến kết quả ; thứ hai điều kiện và môi trường sống của trẻ như thế nào khiến cho trẻ đạt được kết quả đó. Trong các trắc nghiệm trí tuệ, thương số trí tuệ chỉ nói lên trình độ trí tuệ của đối tượng khi làm trắc nghiệm chứ không nói lên được tất cả các năng khiếu khác của đối tượng như nhiều nhà phê phán thường phản đối.

Trắc nghiệm, cũng như nhiều phương pháp khác, có những mặt mạnh và mặt yếu. Việc tuyệt đối hóa cũng như phủ nhận vai trò của nó đều không thỏa đáng. Tuy nhiên phải nhận thấy rằng, dù còn có những phương pháp khác, trắc nghiệm vẫn là phương pháp khoa học, khách quan để nghiên cứu tâm lí con người.

d) Đàm thoại

Phương pháp đàm thoại dùng để nghiên cứu các hiện tượng tâm lí bằng cách phân tích những phản ứng bằng lời của trẻ đối với những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn nhằm mục đích nghiên cứu. Đối với trẻ em trước tuổi học, phương pháp này được sử dụng trong phạm vi hạn chế. Trước 4 tuổi nói chung chưa thể tiến hành phương pháp này với trẻ theo đúng nghĩa của nó. Chỉ từ sau 4 tuổi mới có thể tổ chức những cuộc hỏi đáp, trong đó trẻ em phải trả lời bằng lời, tức là đàm thoại theo đúng nghĩa của nó. Phương pháp này được áp dụng để tìm hiểu về tri thức và biểu tượng của trẻ, tìm hiểu ý kiến của các em về các sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh, với người khác và với chính bản thân mình.

Việc đặt câu hỏi trong đàm thoại với trẻ là một nghệ thuật. Câu hỏi phải dễ hiểu và lí thú đối với trẻ, nhưng lại không được mang tính chất gợi ý. Những câu hỏi chỉ phải thuần túy trả lời "có" hoặc "không" thường dễ làm cho trẻ trả lời sai đi. Tất nhiên trong hệ thống câu hỏi với trẻ vẫn có thể sử dụng những câu hỏi loại này nhưng nên hạn chế và phải xen kẽ một cách có nghệ thuật.

Để đàm thoại với trẻ, có thể người nghiên cứu soạn trước một hệ thống câu hỏi với trình tự cố định và nêu ra cho tất cả trẻ em trả lời. Cũng có thể người nghiên cứu chỉ cần vạch ra

những vấn đề cơ bản cần hỏi và đem áp dụng linh hoạt với từng trẻ. Cách thứ hai này nếu được người nghiên cứu sử dụng tốt sẽ mang lại hiệu quả cao hơn so với cách thứ nhất. Tuy nhiên cách này đòi hỏi người sử dụng phải có kinh nghiệm, linh hoạt, nhanh trí, nhạy cảm và hiểu biết sâu về trẻ.

Việc tiến hành hỏi đáp với trẻ phải được chuẩn bị chu đáo. Kết quả của quá trình này phụ thuộc không chỉ vào nội dung câu hỏi cũng như cách hỏi mà còn phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa người hỏi và đứa trẻ. Kết quả sẽ tốt hơn nếu người nghiên cứu tạo ra được một quan hệ tốt đẹp với trẻ bằng tài khéo léo, cởi mở ân cần và nhạy cảm đối với những đặc điểm riêng trong nhân cách trẻ.

Những câu trả lời của trẻ phải được ghi lại đúng nguyên văn. Thông thường trong nghiên cứu trẻ em người ta không sử dụng chỉ phương pháp này, đây chỉ là một phương pháp hỗ trợ cho các phương pháp chính như quan sát, thực nghiệm... Khi xử lý các tài liệu thu được, người nghiên cứu mang những câu trả lời của các em ra phân tích và kết hợp chúng với những số liệu thu được bằng các phương pháp khác. Cũng có trường hợp người ta chỉ dùng phương pháp hỏi đáp, nhưng chỉ là để nghiên cứu những khía cạnh riêng hoặc từng vấn đề riêng biệt.

e) Nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Sản phẩm hoạt động của trẻ đó là những tranh vẽ, "tượng" nặn, đồ thủ công, "công trình" xây dựng, những câu chuyện, những bài thơ do các em sáng tác. Sản phẩm hoạt động của trẻ chứa đựng thế giới tâm lí, chính vì vậy nó có ý nghĩa đối với nhà nghiên cứu. Tuy nhiên không phải tất cả các sản phẩm hoạt động của trẻ đều có ý nghĩa như nhau đối với người nghiên cứu trẻ. Những sản phẩm mà trẻ tạo ra do sự hướng dẫn trực tiếp của người lớn giúp ta biết khả năng hiểu và thực hiện những chỉ dẫn, khả năng chú ý, sự kiên trì... của trẻ. Nhưng những sản phẩm là kết quả hoạt động độc lập của trẻ có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều, trong đó tranh vẽ của các em được chú ý hơn cả. Tranh vẽ của trẻ có đặc điểm nổi bật là cùng với việc vẽ ra những hình ảnh nhìn thấy, trẻ còn vẽ ra cả những cái nó biết được khi hành động với đối tượng. Tranh vẽ của trẻ có tính hiện thực, trí tuệ, tức là các em vẽ tất cả những điều biết được, không phân biệt đặc trưng về mặt thị giác của tranh vẽ. Do đó, nhìn vào tranh trẻ em, người ta có thể biết nhiều về sự phát triển tâm lí của nó. Tranh vẽ của trẻ phản ánh đặc điểm về mặt tri giác của các em, phản ánh trình độ phát triển trí tuệ và cả thái độ tình cảm của trẻ đối với thế giới xung quanh. Mặc dù có những giá trị xác định nhưng những sản phẩm hoạt động không cho phép ta thấy rõ quá trình hoạt động của trẻ để tạo ra những sản phẩm đó. Vì vậy, nếu chỉ dựa vào những số liệu thu được từ phương pháp này thì người nghiên cứu có thể phạm sai lầm. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động chỉ cho ta những tài liệu tin cậy khi được kết hợp với những phương pháp khác.

g) Phương pháp đo lường xã hội

Đây là một phương pháp dùng để nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa trẻ em và vị trí của trẻ trong nhóm bạn.

Đối với những trẻ em tuổi học sinh, người ta thường phát cho em một phiếu trưng cầu ý kiến trong đó ghi lại những câu hỏi như : "Em thích ngồi cùng bàn với ai ?". "Em sẽ mời những bạn nào nhân ngày sinh nhật ?", "Nếu được chọn lớp trưởng em sẽ chọn bạn nào ?" v.v... Nhưng đối với trẻ em trước tuổi học, những câu hỏi như thế không thích hợp. Người ta thường tìm hiểu mối quan hệ giữa các em thông qua hành động có lựa chọn của các em. Người ta đưa cho mỗi em 3 đồ chơi hoặc 3 tranh ảnh và hỏi em cái nào em rất thích, thích vừa và không thích. Sau đó khuyến khích em tặng mỗi đồ vật cho các bạn trong nhóm. Để làm cho phương pháp này hấp dẫn trẻ và có kết quả chính xác người ta thường tổ chức dưới dạng trò chơi.

Những kết quả thu được sau việc phân phát tặng phẩm là tài liệu để lập một bảng đặc biệt gọi là họa đồ xã hội, qua đó, có thể biết được trong nhóm trẻ, em nào được quý mến nhất, em nào ít được quý mến hơn và em nào không được các bạn quý mến, từ đó cho phép biết được mối quan hệ giữa các em. Tuy vậy, phương pháp này chỉ cho ta thấy bộ mặt bề ngoài của mối quan hệ giữa các em, còn nguyên nhân của nó thì phải tìm hiểu bằng nhiều phương pháp khác.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tâm lí học trẻ em (TLHTE) nghiên cứu cái gì ? Hãy làm rõ nhiệm vụ nghiên cứu của TLHTE tuổi mầm non.
2. Nêu ý nghĩa của TLHTE về mặt lí luận và thực tiễn.
3. Thế nào là phương pháp của TLHTE ? Việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lí trẻ em cần phải chú ý những nguyên tắc nào ?
4. Hãy phân tích các phương pháp quan sát, thực nghiệm và trắc nghiệm.
5. Trong việc sử dụng phương pháp đàm thoại để nghiên cứu trẻ trước tuổi học cần chú ý những điểm nào ?

THỰC HÀNH

1. Dùng phương pháp quan sát để tìm hiểu một số biểu hiện tâm lí của một vài trẻ tuổi mẫu giáo trong hoạt động vui chơi.
2. Sử dụng thực nghiệm của Piaget được trình bày trong "Phương pháp thực nghiệm" để tìm hiểu đặc điểm tư duy của trẻ mẫu giáo.
3. Sưu tầm tranh vẽ của trẻ em mẫu giáo để tìm hiểu đặc điểm về biểu tượng của trẻ.

HƯỚNG DẪN CÁCH HỌC

I- Hướng dẫn cách đọc tài liệu

1. Cách đọc giáo trình

Chương trình này đề cập đến những vấn đề chung nhất, có tính chất nhập môn tâm lí học trẻ em (TLHTE). Khi đọc chương này người học cần tập trung vào những vấn đề sau :

- *Đối tượng của TLHTE* : Chỉ ra được đối tượng của TLHTE là gì, TLHTE nghiên cứu những gì ? TLHTE lứa tuổi mầm non là một bộ phận của TLHTE, nó nghiên cứu cái gì ?

- *Nhiệm vụ của TLHTE* : Nắm được nhiệm vụ của TLHTE và cách thực hiện những nhiệm vụ đó.

- *Ý nghĩa của TLHTE* : Hiểu được ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn của khoa học về tâm lí trẻ em.

- *Phương pháp nghiên cứu của TLHTE* : Hiểu được khái niệm về phương pháp của một khoa học nói chung và phương pháp của TLHTE nói riêng ; nắm được các nguyên tắc chỉ đạo phương pháp.

Nắm được các phương pháp cơ bản của TLHTE : quan sát, thực nghiệm, trắc nghiệm, đàm thoại, nghiên cứu sản phẩm hoạt động. Biết cách sử dụng các phương pháp này để nghiên cứu trẻ em.

2. Tài liệu cần đọc thêm

Có nhiều tài liệu đề cập đến các vấn đề của chương này, cả tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu một số tài liệu bằng tiếng Việt để người học tham khảo thêm.

1. A.V. Pêtrôpxki, *Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm*, NXB Giáo dục, 1982.

2. A.A. Liublinxkaia, *Tâm lí học trẻ em*, Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

3. V.X. Mukhina, *Tâm lí học mẫu giáo*, NXB Giáo dục, 1980.

II- Hướng dẫn cách làm bài tập

Trong phần này chúng tôi sẽ hướng dẫn người học giải quyết các bài tập về lí thuyết và thực hành được nêu ở cuối chương.

1. Bài tập lí thuyết

Ở cuối chương 1 có 5 câu hỏi ôn tập, chúng tôi sẽ hướng dẫn cách làm một số câu theo các ý cơ bản, để từ đó người học biết cách làm các bài tập lí thuyết của chương.

Câu 1 :

- TLHTE nghiên cứu sự phát triển tâm lí của trẻ.

Những đặc điểm và quy luật phát triển tâm lí của trẻ em là đối tượng của TLHTE. TLHTE nghiên cứu những sự kiện và quy luật phát triển hoạt động, phát triển các quá trình và phẩm chất tâm lí và sự hình thành nhân cách của trẻ trong sự phát triển của nó.

- TLHTE tuổi mầm non có những nhiệm vụ sau đây :

+ Làm sáng tỏ các quy luật và đặc điểm của sự phát triển tâm lí của trẻ em từ 0 - 6 tuổi, tìm hiểu những nguyên nhân quy định sự phát triển đó. Đây là nhiệm vụ quan trọng của TLHTE tuổi mầm non.

+ Nghiên cứu những đặc điểm mang tính quy luật về sự chuyển đoạn trong tiến trình phát triển của trẻ từ lọt lòng đến 6 tuổi.

Câu 2 : Ý nghĩa của TLHTE :

- *Về mặt lí luận* : Những thành tựu của TLHTE là một bộ phận cấu thành của nhận thức luận và phép biện chứng trong triết học duy vật biện chứng. Qua sự phát triển của trẻ em có thể rút ra quy luật phát triển của sự vật nói chung và đồng thời sự phát triển của trẻ em bộc lộ rõ ràng những quy luật đó. Nghiên cứu kĩ càng, tỉ mỉ quá trình nhận thức thế giới xung quanh của trẻ giúp hiểu sâu sắc và rõ ràng hơn bản chất chung của nhận thức con người.

Tìm hiểu những điều kiện và quy luật của sự phát triển tâm lí trẻ em làm sáng tỏ luận thuyết về sự hình thành và phát triển tâm lí theo quan điểm biện chứng, đồng thời vạch ra được vai trò của những mối quan hệ muôn màu muôn vẻ của con người đối với thế giới xung quanh và với chính mình.

- *Về mặt thực tiễn* : Hiểu biết những đặc điểm và quy luật của sự phát triển tâm lí trẻ em giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả.

Hiểu TLHTE còn làm cho bản thân nhà giáo dục trở nên hoàn thiện hơn, có cơ sở để khắc phục những thiếu sót và phát triển những khả năng của bản thân để hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực tốt đẹp cho trẻ.

- Trong khoa học giáo dục mầm non, TLHTE vừa là khoa học cơ bản, vừa là khoa học cơ sở lại vừa là khoa học nghiệp vụ.

Câu 3 : Phân tích phương pháp quan sát.

- Quan sát là phương pháp nhà nghiên cứu dùng để theo dõi và ghi chép một cách có mục đích, có kế hoạch những biểu hiện đa dạng của hoạt động tâm lí của trẻ em cùng những điều kiện, diễn biến của nó trong đời sống tự nhiên hằng ngày. Trong quan sát, việc xác định rõ ràng mục đích quan sát là rất quan trọng.

- Phương pháp quan sát có ưu điểm là : Thu thập những sự kiện về hành vi tự nhiên, những sự kiện diễn ra trong đời sống hằng ngày của trẻ. Vì vậy nhà nghiên cứu nhìn nhận đứa trẻ như một chỉnh thể thống nhất, phát hiện ra mối quan hệ của nó với các thành viên khác trong tập thể và với nhà giáo dục.

- Đặc điểm của phương pháp quan sát là nhà nghiên cứu chỉ có thể theo dõi được những biểu hiện bên ngoài của tâm lí trẻ nên những hành động, cử chỉ, điệu bộ, lời nói... để tìm đến cái bên trong là những quá trình, trạng thái, phẩm chất. Điều này đòi hỏi phải có kĩ năng quan sát và biết lí giải đúng đắn những điều mình thấy.

- Phương pháp quan sát có hạn chế là có tính thụ động : người nghiên cứu chỉ thụ động chờ đợi những hiện tượng tâm lí diễn ra mà không thể tác động, can thiệp vào đối tượng mình nghiên cứu. Dùng phương pháp quan sát cho một mục đích nghiên cứu nào đó thường phải diễn ra trong một thời gian khá dài và khá công phu.

- Có các loại quan sát sau :
- + Quan sát toàn diện : Quan sát cùng một lúc nhiều mặt của hành vi đứa trẻ.
- + Quan sát bộ phận : Chỉ theo dõi một mặt nào đó của hành vi đứa trẻ.
- Quan sát là phương pháp không thể thay thế được trong nghiên cứu trẻ em.

2. Bài tập thực hành

Câu 1 : Người học dùng phương pháp quan sát để tìm hiểu một số biểu hiện tâm lí của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi. Ví dụ, quan sát để tìm hiểu sự hợp tác với các bạn trong vui chơi ; quan sát để tìm hiểu hứng thú của trẻ khi chơi... Để tìm hiểu được những đặc điểm tâm lí này, người nghiên cứu trước hết phải xác định rõ những biểu hiện của sự hợp tác với bạn, hoặc những biểu hiện của hứng thú trong khi chơi rồi mới tiến hành quan sát.

Khi quan sát phải có biên bản quan sát, theo dõi từng trẻ trong nhiều buổi chơi rồi phối hợp kết quả quan sát của các buổi lại. Cuối cùng, nhận xét về những biểu hiện tâm lí của trẻ.

Câu 2 : Sử dụng thực nghiệm của J. Piaget trình bày ở phần "Phương pháp thực nghiệm" để nghiên cứu một số trẻ em. So sánh kết quả thu được với kết quả do Piaget tìm ra.

Câu 3 : Thông qua tranh vẽ trẻ em có thể tìm hiểu nhiều đặc điểm tâm lí của trẻ. Trẻ em vẽ cái nó biết, cái nó có chứ không chỉ là cái nó trông thấy. Hãy sưu tầm tranh vẽ của một số trẻ, quan sát và phân tích chúng để tìm ra những đặc điểm về biểu tượng của các em.

Chương II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

I- SỰ NẢY SINH VÀ PHÁT TRIỂN BAN ĐẦU CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

Những tư tưởng đầu tiên về sự cần thiết phải tìm hiểu đặc điểm tâm hồn của trẻ bắt đầu từ thế kỉ XVII với nhà giáo dục học Tiệp Khắc lỗi lạc I.A. Cômênxki. Trong tác phẩm "*Lí luận dạy học vĩ đại*" và "*Thế giới trông thấy trên các bức tranh*" ông đã nói đến sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống dạy học phù hợp với những đặc điểm tâm hồn của trẻ. Tư tưởng về sự dạy học phù hợp với tự nhiên do ông khởi đầu về sau đã được nhiều nhà sư phạm trên thế giới đề cập và giải thích.

Thế kỉ XVIII, J.J. Rutxô, nhà triết học, nhà văn, nhà giáo dục học nổi tiếng người Pháp đã nhận xét rất tinh tế những đặc điểm tâm lí của trẻ thơ. Ông khẳng định : trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại và người lớn không phải lúc nào cũng hiểu được trí tuệ và tình cảm độc đáo của trẻ. Ông đề cao khả năng phát triển tự nhiên của trẻ và cho rằng mọi sự can thiệp của người lớn vào con đường phát triển tự nhiên ấy đều có hại.

Trái với J.J. Rutxô, J.H. Pestalôzi - Nhà giáo dục học nổi tiếng người Thụy Sĩ cho rằng, việc người lớn dạy trẻ em một cách có hệ thống có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của trẻ em.

Như vậy, trong quan điểm của hai nhà giáo dục vĩ đại đại diện cho hai trường phái lớn của giáo dục học thế kỉ XVIII, người ta thấy rõ sự đối lập nhau : một bên đề cao vai trò của những yếu tố bẩm sinh di truyền trong sự phát triển tâm lí, nhân cách trẻ, đặc biệt là trong những phẩm chất về đạo đức và trí tuệ, một bên khẳng định vai trò quyết định của dạy học và giáo dục, gán cho dạy học và giáo dục những khả năng vô hạn trong việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ.

Ở nước Nga, cũng thời kì này tư tưởng về vai trò mạnh mẽ của giáo dục trong sự phát triển nhân cách của trẻ em được các nhà giáo dục tiên tiến bảo vệ. V.H. Tatitsev khẳng định, nguồn gốc của trí tuệ cá nhân là sự nắm vững những kinh nghiệm và tri thức của người khác được truyền bằng ngôn ngữ và văn tự đặc biệt. Ông là người đầu tiên đã phân định thời kì tuổi thơ một cách độc đáo. N.I. Nôvicov một nhà chính luận nổi tiếng của thế kỉ XVIII cũng liên tục bảo vệ tư tưởng về khả năng giáo dục những phẩm chất con người. Ông khẳng định rằng, sự phát triển trí tuệ, trí nhớ và những tình cảm đạo đức của trẻ được xây dựng trên sự làm quen của

trẻ với những đồ vật xung quanh và bắt chước người lớn. A.N. Radisev cùng thời với N.I. Nôvicov liên tục phát triển quan điểm duy vật về tâm lí và quá trình phát triển của nó ở trẻ em.

Thế kỉ XIX, tâm lí học trẻ em thực sự ra đời vào nửa sau của thế kỉ, gắn liền với sự xâm nhập của các tư tưởng tiến hóa và di truyền học vào khoa học tâm lí. Những công trình của J. Lamac và S. Darwin có ý nghĩa rất lớn, nó làm cho người ta chú ý tới vấn đề phát triển tâm lí, thúc đẩy các nhà tâm lí quan sát những thay đổi trong đời sống tâm lí của trẻ ở các thời kì khác nhau trong sự phát triển của nó.

Những quan sát về sự phát triển tâm lí của trẻ do các nhà sư phạm, giáo viên, cha mẹ các em và cả thầy thuốc được tích lũy và tổng kết đã đặt nền móng bước đầu cho sự hình thành và phát triển khoa học về tâm lí trẻ em.

Nhà bác học Đức Tidơman đã viết cuốn "*Những quan sát về sự phát triển các năng lực tinh thần của trẻ*" xuất bản năm 1787 là kết quả những quan sát của ông về sự phát triển của một đứa trẻ từ lúc sinh đến 3 tuổi. Đây là quyển sách đầu tiên về sự phát triển tâm lí trẻ em. G.T. Prâyê, nhà tâm lí học Đức, đã quan sát sự phát triển của cảm giác và một số biểu hiện cảm xúc của trẻ em từ lúc mới sinh đến một năm để viết cuốn "*Tâm lí trẻ thơ*" (1881). Đây là một tác phẩm gây hứng thú lớn bởi sự đầy đủ, liên tục và khách quan của nó. Ngoài sự phong phú về tài liệu sự kiện, Prâyê còn muốn nêu lên vai trò đáng lưu ý của di truyền và những ảnh hưởng bên ngoài trong sự phát triển cảm giác của trẻ sơ sinh (3).

J.A. Xicovki, E.I. Stansinxkaia, A. Pavlova, vợ chồng Xkúpina, A. Levonexki, V.M. Bekhotrev cũng đã có nhật kí tương tự được xuất bản vào đầu thế kỉ XX. Trong tất cả các nhật kí đều miêu tả những sự kiện của hành vi trẻ, một bức tranh ít nhiều khách quan về sự nảy sinh và phát triển tâm lí ở trẻ em trong những giai đoạn khác nhau.

Một cơ sở quan trọng tạo điều kiện cho tâm lí học trẻ em ra đời, đó là những thành tựu của tâm lí học đại cương, đặc biệt là tâm lí học thực nghiệm. Các nhà tâm lí học đều nhận thấy việc nghiên cứu thực nghiệm có thể cung cấp những tài liệu khách quan về sự phát triển tâm lí của trẻ em. Những kết quả đáng kể của thực nghiệm trong tâm lí học đại cương như việc Weber và Feiner khám phá ra "quy luật tâm - sinh lí", những công trình nghiên cứu trí nhớ của Ebbinhaue, việc nghiên cứu các cảm giác và các vận động trong tâm - sinh lí học của Wundt đã tạo khả năng cho việc vận dụng thực nghiệm vào tâm lí học trẻ em. Chúng cung cấp cho các nhà nghiên cứu những tài liệu mới về hoạt động tâm lí con người.

II- DÒNG PHÁI NGUỒN GỐC SINH HỌC VÀ NGUỒN GỐC XÃ HỘI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TÂM LÍ HỌC TRẺ EM

Đầu thế kỉ XX, trong lĩnh vực tâm lí học lứa tuổi đã xuất hiện hai dòng phái giải thích khác nhau về nguồn gốc của sự phát triển tâm lí của trẻ em. Một dòng phái lấy nhân tố sinh học làm cơ sở cho sự phát triển của trẻ em, dòng phái kia lấy nhân tố xã hội.